



**EXPERIENCE ACTIVITIES DESIGN IN TEACHING  
MODULE “ENVIRONMENT AND ENVIRONMENTAL EDUCATION FOR KIDS”  
FOR EARLY EDUCATION STUDENTS, NAM DINH TEACHER’S  
TRAINING COLLEGE**

Vu Thi Thanh Huong<sup>1,\*</sup>

<sup>1</sup>Nam Dinh Teacher’s Training College, Vietnam

\* Email address: thanhhuong264@gmail.com

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/615>

---

**Article info**

*Received: 15/6/2021*

*Accepted: 5/9/2021*

---

**Keywords:** *Experiential Activities, environment, environmental education, preschool education*

---

**Abstract:**

The module "Environment and environmental education for preschool children" not only provides knowledge about the environment but also helps students apply that knowledge in environmental education for children in preschool. In order for students' learning to be effective, it is necessary to increase experiential activities in teaching this module. Experiential learning is a teaching method that develops learners' capacity. Through the organization of experiential activities in teaching, teachers will avoid the situation of "vegetarian teaching", reduce theory, increase practicality, teaching activities become more lively and attractive; suitable to modern education, to meet the innovation of teaching methods. The article builds the process of designing experiential activities and applying them to a specific lesson plan. By organizing students to learn about the environment through experience, students will develop common competencies such as communication ability, creativity, problem-solving ability, cooperation ability, etc. and subject-specific competencies such as the ability to understand environmental issues and environmental education; ability to learn about the process of environmental education for preschool children; capacity for environmental protection education; capacity to integrate environmental protection education in preschool activities.



## THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN “MÔI TRƯỜNG VÀ GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ MẦM NON” CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH

Vũ Thị Thanh Hương<sup>1,\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định, Việt Nam

\*Địa chỉ email: thanhhuong264@gmail.com

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/615>

### Thông tin bài viết

Ngày nhận bài: 15/6/2021

Ngày duyệt đăng: 5/9/2021

**Từ khóa:** *Hoạt động trải nghiệm, môi trường, giáo dục môi trường, giáo dục mầm non*

### Tóm tắt

Học phần “Môi trường và giáo dục môi trường cho trẻ Mầm non” không chỉ cung cấp kiến thức về môi trường mà còn giúp sinh viên ứng dụng những kiến thức đó trong giáo dục môi trường cho trẻ trong trường mầm non. Để việc học tập của sinh viên đạt hiệu quả, cần tăng cường hoạt động trải nghiệm trong dạy học học phần này. Học tập qua trải nghiệm là một phương pháp dạy học phát triển năng lực người học. Qua việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học, giáo viên sẽ tránh được tình trạng “dạy chay”, giảm tính lý thuyết, tăng tính thực tiễn, hoạt động dạy học trở nên sinh động, hấp dẫn hơn; phù hợp với giáo dục hiện đại, đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học. Bài viết xây dựng quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm và vận dụng vào một giáo án cụ thể. Với việc tổ chức cho sinh viên học tập về môi trường thông qua trải nghiệm, sinh viên sẽ được phát triển các năng lực chung như năng lực giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác... và các năng lực đặc trưng của môn học như năng lực tìm hiểu các vấn đề về môi trường và giáo dục môi trường; năng lực tìm hiểu về quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; năng lực giáo dục bảo vệ môi trường; năng lực tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong các hoạt động ở trường mầm non.

### 1. Mở đầu

Giáo dục môi trường được triển khai ở mọi cấp học dưới nhiều hình thức vì mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Trong chương trình đào tạo giáo viên (GV) mầm non trình độ cao đẳng, học phần *Môi trường và giáo dục môi trường cho trẻ mầm non (MT và GDMT cho trẻ MN)* không chỉ cung cấp kiến thức về môi trường mà còn giúp sinh

viên(SV) có hành động cụ thể để bảo vệ môi trường. Từ đó, tạo tiền đề cho SV ứng dụng những kiến thức đó trong giáo dục môi trường cho trẻ trong trường mầm non. Con đường giáo dục hiệu quả nhất chính là đưa SV vào các hoạt động thực tế, để chính SV được trải nghiệm, để SV tự hình thành kiến thức, kỹ năng, tình cảm, kinh nghiệm cho chính mình. Xuất

phát yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tại khoa Giáo dục Tiểu học -Mầm non, trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định, tôi đã nghiên cứu về ý nghĩa của các hoạt động trải nghiệm (HĐTN) đối với việc giáo dục bảo vệ môi trường, từ đó thiết kế các HĐTN trong giảng dạy học phần *MT và GDMT cho trẻ MN*. Các HĐTN được thiết kế có thể là học tập tại vườn thực nghiệm, thí nghiệm, thăm quan làng nghề tại địa phương, thực hành làm một sản phẩm tái chế.....

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Khái niệm**

PGS.TS Đinh Thị Kim Thoa đã đưa ra khái niệm về HĐTN (theo nghĩa hẹp) là: Hoạt động giáo dục thông qua sự trải nghiệm và sáng tạo của cá nhân trong việc kết nối kinh nghiệm học được trong nhà trường với thực tiễn đời sống mà nhờ đó các kinh nghiệm được tích lũy thêm và dần chuyển hóa thành năng lực [5].

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Liên và các cộng sự đưa ra cách hiểu chung nhất về HĐTN đó là: hoạt động giáo dục, trong đó nội dung và hình thức tổ chức tạo điều kiện cho học sinh (HS) được tham gia trực tiếp và làm chủ thể hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại...[2].

Đặc trưng của HĐTN là: người học tham gia trực tiếp vào từng hoạt động; thể hiện tính chủ động của người học trong hoạt động; tính hợp tác, tương tác trong hoạt động giữa người học với nhau và với môi trường; hoạt động tạo ra những giá trị mới cho bản thân (kiến thức, kỹ năng, tình cảm)...

Như vậy, HĐTN là một hoạt động giáo dục có sự định hướng của GV, GV sẽ thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho SV huy động những kiến thức của bản thân để giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn cuộc sống. Thông qua trải nghiệm, SV sẽ chuyển hóa những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới. Từ đó nâng cao năng lực: tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, thích ứng với môi trường, nghề nghiệp trong tương lai....

### **2.2. Vai trò của hoạt động trải nghiệm trong dạy - học học phần “Môi trường và giáo dục môi trường cho trẻ Mầm non”**

Học phần “MT và GDMT cho trẻ MN” có các hoạt động gắn liền với môi trường sống, với thực tiễn rất thích hợp tổ chức trải nghiệm. Do đó, tổ chức các tiết học dưới hình thức HĐTN sẽ giúp SV được học tập trong môi trường. Điều này làm tăng hứng thú và hiệu quả học tập cho SV. Kết thúc HĐTN, SV phải đưa ra giải pháp cụ thể, nên HĐTN giúp SV đạt được mục tiêu cuối cùng của GDMT là hình thành những hành động cụ thể vì môi trường. Chính vì vậy, dạy học qua HĐTN chính là dạy học phát triển năng lực cho người học.

HĐTN sẽ giúp SV phát triển các năng lực chung như năng lực giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác... Mỗi nhiệm vụ học tập khi trải nghiệm thường được tổ chức theo hình thức các nhóm. Các SV cần phải phân công nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận mới có thể đưa ra kết luận chung. Mỗi nhóm khi làm việc sẽ có cách thức khác nhau, phù hợp với điều kiện của nhóm mình.

Theo đặc trưng của môn học, HĐTN còn giúp nâng cao năng lực đặc thù như năng lực tìm hiểu các vấn đề về môi trường và giáo dục môi trường. Từ đó, hướng đến hình thành cho SV năng lực tìm hiểu về quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; năng lực giáo dục bảo vệ môi trường; năng lực tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong các hoạt động ở trường mầm non. Đây là những năng lực nghề nghiệp đối với GV mầm non sau này.

### **2.3. Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy học phần MT và GDMT**

Học phần gồm 2 tín chỉ, chia làm 4 chương. Chương 2 gồm 10 tiết. Bài được thiết kế thực nghiệm nằm trong phần “Tài nguyên nước” (*Chương 2. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường*), tôi đã tích hợp HĐTN vào mục 2. *Sự ô nhiễm môi trường nước* và mục 3. *Bảo vệ tài nguyên nước*.

Học phần có thể vận dụng rất đa dạng các hình thức tổ chức HĐTN như: câu lạc bộ, nghiên cứu thực địa, thí nghiệm, hoạt động cộng đồng, tổ chức các trò chơi, cuộc thi, lao động, tham quan dã ngoại... Việc tổ chức các HĐTN sẽ giúp SV nhận thức được thực trạng, bản chất của vấn đề.

Việc thiết kế các HĐTN cho SV thông qua học phần được tiến hành theo các bước sau: (thông qua ví dụ “Tài nguyên rừng” (*Chương 2. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường*))

- *Bước 1: Xác định mục tiêu của bài học.* Mục tiêu bài học là những gì mà người học phải hiểu rõ, phải nắm vững, phải làm được sau bài dạy. Mục tiêu của bài học được xác định cụ thể trên các phương diện: kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực. Trong mục này, GV cần xác định rõ các mức độ nhận thức của sinh viên: biết – hiểu – vận dụng – phân tích – tổng hợp – đánh giá.

Ví dụ, khi dạy nội dung, mục tiêu bài học cụ thể như sau:

+ Về kiến thức:

• Biết được sự suy giảm tài nguyên rừng và cách bảo vệ tài nguyên rừng.

• Hiểu được vai trò của tài nguyên rừng

+ Về kỹ năng:

• Quan sát, ghi chép, thu thập thông tin.

• Làm thí nghiệm về vai trò của lớp phủ thực vật.

• Trồng cây thủy canh trong các chai lọ nhỏ tái chế để tạo không gian xanh trong trường, trong lớp, trong nơi sinh sống..

+ Về thái độ:

• Nâng cao tình yêu thiên nhiên.

• Tăng cường ý thức bảo vệ rừng (lớp phủ thực vật).

• Nâng cao ý thức tự học, tự tìm tòi, khám phá thiên nhiên và niềm say mê với môn học.

+ Về năng lực: phát triển các năng lực sau cho sinh viên

• Năng lực quan sát và thu thập dữ liệu về môi trường

• Năng lực hợp tác và tự học, năng lực giải quyết vấn đề

• Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên và vận dụng kiến thức vào thực tiễn để cải tạo môi trường sống.

- *Bước 2: Xác định mạch nội dung chính của bài.*

Mạch nội dung chính là những kiến thức trọng tâm, hoạt động chủ đạo của bài học. Đây là những đơn vị kiến thức cần dành nhiều thời gian và hoạt động nghiên cứu của SV để nắm được cái cốt lõi của bài học.

Ví dụ, khi dạy nội dung, mạch nội dung chính của bài là:

• Biết được sự suy giảm nhanh chóng của tài nguyên rừng

• Hiểu được vai trò của rừng trong việc bảo vệ lớp phủ thực vật, chống xói mòn đất.

• Tự làm được một sản phẩm từ cây cối có tác dụng làm xanh môi trường sống.

- *Bước 3: Xác định các HĐTN có thể vận dụng vào bài.* Căn cứ vào mục tiêu bài học và mạch nội dung chính của bài, xác định các hoạt động trải nghiệm có thể tích hợp vào bài dạy. Điều này thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động. Trong mỗi HĐTN cần xác định mục tiêu và cách thực hiện. Ví dụ, khi dạy nội, các HĐTN có thể tích hợp trong bài là:

Mục tiêu	Hoạt động	Thời gian	Địa điểm
Hiểu được vai trò lớp phủ thực vật trong việc bảo vệ đất, chống xói mòn đất	Thí nghiệm về vai trò của lớp phủ thực vật	1 buổi	Vườn thực nghiệm
Thực hành tạo không gian xanh trong trường lớp, nơi ở	Thực hành dự án		Phòng thí nghiệm

- *Bước 4: Xây dựng tiến trình hoạt động học tập.*

Trong bước này, GV cần xây dựng tiến trình thực hiện HĐTN. Xây dựng tiến trình càng cụ thể thì bài dạy diễn ra thuận lợi, đạt được kết quả như dự kiến.

Ví dụ, khi dạy nội dung, các HĐTN có thể tích hợp trong bài là:

+ Tổ chức hoạt động tại vườn thực nghiệm

SV làm thí nghiệm về vai trò của lớp phủ thực vật. SV phải tự xây dựng bộ dụng cụ về hiện tượng rửa trôi ở nhà (mỗi nhóm chuẩn bị 2 chai nhựa, 1 xẻng, 1 lít nước, 2 cốc thủy tinh, quỳ tím). SV tiến hành lấy 2 mẫu đất tại vườn thực nghiệm: 1 mẫu đất không có cây mọc bên trên và 1 mẫu đất có cây mọc tươi tốt. Đặt 2 mẫu đất vào 2 chai nhựa và cho nước chảy qua 2 mẫu đất đó. Lấy cốc thủy tinh hứng nước

sau khi chảy qua mẫu đất. Sau đó, thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập

<b>Mẫu</b>	<b>Đặc điểm</b>	<b>Độ đục/độ trong</b>	<b>ĐỘ PH (dùng quỳ tím)</b>
Mẫu đất không có cây mọc			
Mẫu đất có cây mọc			

Từ đó, các nhóm rút ra vai trò của lớp phủ thực vật (rừng) đối với việc bảo vệ đất.

+ Tổ chức hoạt động trong lớp học

Các nhóm báo cáo kết quả thu được trong buổi làm thí nghiệm tại vườn thực nghiệm và giải thích vì sao có hiện tượng đó.

Từ kết quả thí nghiệm và nghiên cứu tài liệu, SV rút ra vai trò của tài nguyên rừng.

GV hướng dẫn SV tìm hiểu sự suy giảm tài nguyên rừng và các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng.

+ Tổ chức hoạt động trong phòng thí nghiệm

SV tìm hiểu về chất dinh dưỡng đối với cây thủy canh. Sau đó SV thiết kế và thực hiện trồng cây thủy canh trong các chai lọ nhỏ tái chế để tạo không gian xanh trong trường, trong lớp, trong nơi sinh sống.

- Bước 5: Tổng kết, đánh giá. Để việc đánh giá được khách quan, toàn diện, GV cần xây dựng các tiêu chí và bộ công cụ kiểm tra, đánh giá. Việc kiểm tra, đánh giá HĐTN của GV cần được tiến hành dưới nhiều hình thức như quan sát quá trình thực hiện kết hợp với điền vào bảng ghi chép các hoạt động của SV, phiếu học tập, phiếu câu hỏi...

#### **2.4. Tổ chức thực hiện**

##### **2.4.1. Thiết kế giáo án có hoạt động trải nghiệm**

Trên cơ sở lí luận, khi thiết kế bài dạy nội dung “Tài nguyên nước” (Chương 2. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường), tôi đã tích hợp HĐTN vào mục 2. Sự ô nhiễm môi trường nước và mục 3. Bảo vệ tài nguyên nước. Giáo án được xây dựng như sau:

## **CHƯƠNG 2: BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **Bài 2, Tiết 1: Tài nguyên nước**

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Kiến thức**

- Nhận biết được môi trường nước bị ô nhiễm; hiểu được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước.

- Hiểu được vai trò của tài nguyên nước; khái niệm và một số hình thức biểu hiện của ô nhiễm môi trường nước.

- Giải thích được sự ô nhiễm môi trường nước ở địa phương sinh sống.

##### **2. Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng thu thập và phân tích mẫu nước thải ở nơi sinh sống.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường: làm các đồ dùng thay thế túi ni lông trong cuộc sống hàng ngày hoặc làm các sản phẩm tái chế từ nhựa đã sử dụng; Sưu tầm ca dao, tục ngữ về vai trò của tài nguyên nước.

##### **3. Thái độ**

- Hứng thú với phương pháp học tập mới, say mê môn học và tự giác, tích cực tự học suốt đời.

- Có ý thức, trách nhiệm sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước và giữ gìn môi trường nước trong sạch.

- Có tinh thần hợp tác, hăng hái tham gia các hoạt động vì môi trường xanh, sạch, đẹp.

#### 4. Định hướng phát triển năng lực

\* Năng lực chung: Tiếp tục phát triển và nâng cao các năng lực học tập đã hình thành ở trường phổ thông: Năng lực tự học và tự chủ, Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực vận dụng kiến thức về môi trường vào cuộc sống.

- Năng lực giáo dục môi trường: Biết xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra.

- Hình thành năng lực dạy học tích hợp.

#### II. Phương pháp dạy học

- Phương pháp dạy học theo hợp đồng

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp hợp tác, làm việc nhóm

- Phương pháp thuyết trình

- Phương pháp dạy học trực quan

#### III. Chuẩn bị của giáo viên và sinh viên

#### 1. Chuẩn bị của giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, giáo án, hợp đồng học tập, phiếu cứu trợ, đáp án các nhiệm vụ học tập.

- Tài liệu dạy học.

#### 2. Chuẩn bị của sinh viên

- Đọc trước bài 2 - tiết 1: “Tài nguyên nước” ở nhà.

- Suu tầm những câu ca dao, tục ngữ, đồng dao hoặc những câu chuyện về nước để đọc cho trẻ mầm non.

- Chuẩn bị các mẫu nước thải: 5 mẫu.

- Chuẩn bị các sản phẩm tự thiết kế.

- Tài liệu học tập

Đề cương bài giảng “Môi trường và GDMT cho trẻ mầm non” (phần môi trường)

#### IV. Tiến trình dạy học

##### 1. Ổn định lớp (1’)

##### 2. Bài mới (5’)

GV cho SV xem video ô nhiễm môi trường nước, trao đổi, thảo luận, dẫn dắt vào bài.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của sinh viên	Nội dung
<b>Hoạt động 1: Kí hợp đồng (4’)</b>		<b>1. Vai trò của tài nguyên nước</b> - Nước có vai trò quan trọng trong duy trì sự sống của con người và sinh vật: - Nước là môi trường sống của rất nhiều loài sinh vật - Nước tham gia vào sự phát triển của lớp vỏ Trái Đất - Nước được coi là một tài nguyên đặc biệt, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên hầu hết các lĩnh vực kinh tế <b>2. Sự ô nhiễm môi trường nước</b> <i>a. Khái niệm:</i> Ô nhiễm môi trường nước là sự thay đổi thành phần và tính chất của nước gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động sống bình thường của con người và sinh vật. <i>b. Nguyên nhân gây ô nhiễm nước</i> - Nguyên nhân tự nhiên - Nguyên nhân nhân tạo <i>c. Một số hình thức ô nhiễm môi trường nước</i>
Trao hợp đồng đã có chữ kí của GV cho SV 10 phút trước tiết học để SV nghiên cứu.	SV nhận hợp đồng và nghiên cứu.	
Giới thiệu hợp đồng và các nhiệm vụ trong hợp đồng. Hướng dẫn cách thực hiện các nhiệm vụ, giải đáp các thắc mắc.	Lắng nghe và đặt câu hỏi các vấn đề còn chưa rõ.	
Tổ chức cho SV kí hợp đồng.	SV kí hợp đồng	
<b>Hoạt động 2: Thực hiện hợp đồng (17’)</b>		
	SV thực hiện các nhiệm vụ theo nhóm. SV thảo luận và ghi lại kết quả trên giấy A0	
Theo dõi và hỗ trợ SV bằng cách cung cấp phiếu hỗ trợ cho SV khi SV yêu cầu.	SV có thể yêu cầu hỗ trợ khi gặp khó khăn.	
<b>Hoạt động 3: Nghiệm thu hợp đồng (20’)</b>		
Hướng dẫn SV điền các thông tin trong hợp đồng và tự đánh giá.	SV điền thông tin và tự đánh giá.	
Yêu cầu 1 nhóm SV trình bày nhiệm vụ 1. GV chốt lại kiến thức.	1 nhóm SV cử đại diện trình bày nhiệm vụ 1.	
Yêu cầu 1 nhóm SV trình bày nhiệm vụ 2. GV chốt lại kiến thức.	1 nhóm SV cử đại diện trình bày nhiệm vụ 2.	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của sinh viên	Nội dung
Yêu cầu 1 nhóm SV trình bày nhiệm vụ 3. GV chốt lại kiến thức.	1 nhóm SV cử đại diện trình bày nhiệm vụ 3.	- Hiện tượng phú dưỡng - Nước bị ô nhiễm do kim loại nặng - Nước bị ô nhiễm do vi sinh vật
<b>Hoạt động 4: Củng cố, đánh giá (3')</b>		
Chốt lại kiến thức trọng tâm.		- Nước bị ô nhiễm bởi thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hoá học
Các nhiệm vụ chưa hoàn thành trên lớp SV sẽ tiếp tục hoàn thành ở nhà.		- Nước bị ô nhiễm do sự cố tràn dầu:
GV thu lại bản hợp đồng và nhận xét vào tiết sau. GV gửi đáp án để SV có thể xem kĩ lại.	SV nộp hợp đồng.	<i>d. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước</i> - Khan hiếm nước sạch trên thế giới. - Ảnh hưởng sức khỏe con người. - Ô nhiễm không khí, đất,. - Làm mất mỹ quan nơi cư trú. - Suy giảm các hệ sinh thái. - Ảnh hưởng tới các ngành kinh tế.

**HỢP ĐỒNG HỌC TẬP**

*Bài 2 – tiết 1: Tài nguyên nước*

Họ và tên: .....

Lớp: .....

Nội dung cần thực hiện	☺	☹	☹	☹	☹	☹	☹	Hình thức hoạt động
Các nhiệm vụ bắt buộc								
Nhiệm vụ 1								☹
Nhiệm vụ 2								☹
Nhiệm vụ tự chọn								
Nhiệm vụ 3								☹

Các kí hiệu trong hợp đồng	☺: Đánh dấu ✓ khi đã hoàn thành xong bài tập.
	☹: Nhiệm vụ này quá dễ.
	☹: Nhiệm vụ này vừa sức.
	☹: Nhiệm vụ này quá khó.
	☹: Tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ này.
	☹: Tôi đã không hoàn thành tốt nhiệm vụ này.
☹: Tôi cần được hỗ trợ.	
☹: Làm việc theo nhóm.	

Em có 17 phút để hoàn thành hợp đồng.

Đã hiểu rõ nội dung và ý nghĩa của hợp đồng. Xin cam kết sẽ hoàn thành hợp đồng đúng thời gian quy định.

Giáo viên  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Sinh viên  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CÁC NHIỆM VỤ HỌC TẬP**

**Nhiệm vụ 1: Vai trò của tài nguyên nước**

**Câu 1:** Hãy chọn những đáp án đúng:

*Vi sao nói nước duy trì sự sống trên Trái Đất?*

- A. Nước chiếm 65 – 70% khối lượng cơ thể con người
- B. Nước chiếm 80 – 90% khối lượng cơ thể thực vật
- C. Nước tham gia vào các quá trình sinh hóa trong cơ thể sống
- D. Nước là dung môi hòa tan các chất
- E. Nước là thành phần cấu tạo của tế bào
- F. Nước là thành phần xúc tác cho các phản ứng sinh hóa trong cơ thể.

**Câu 2:** Hãy kể tên 5 loài thực vật 5 loài động vật sống trong nước.

**Câu 3:** Đánh dấu Đ vào phương án đúng và S vào phương án sai.

Trong tự nhiên, nước có vai trò gì?

- A. Chu trình vận động của nước trong khí quyển giữ có vai trò điều hòa khí hậu.
- B. Nước cháy làm xói mòn, phá hủy đá.
- C. Lớp nước trên Trái đất tạo thành thủy quyển
- D. Các dòng sông bồi tụ nên các đồng bằng châu thổ
- E. Nước tạo ra oxi tự do qua quá trình quang hợp
- F. Nước là nơi sinh sống, đẻ trứng, kiếm ăn của nhiều loài sinh vật.

**Câu 4:** Hãy kể tên các nền văn minh cổ đại được hình thành trên lưu vực các con sông sau

Tên sông	Nền văn minh cổ đại
Sông Nin	.....
Sông Hoàng Hà	.....
Sông Hằng	.....
Sông Tigrơ và Ơphrat	.....
Sông Hồng	.....

**Câu 5:** Có ý kiến cho rằng “sản xuất công nghiệp chỉ cần nguyên liệu chứ không cần tới nước”. Em có nhất trí với quan điểm trên không? Lấy ví dụ minh họa cho ý kiến của mình.

**Câu 6:** Từ những gợi ý ở các câu 1,2,3,4, 5, em hãy nêu ngắn gọn những vai trò của nước.

**Áp dụng 1:** Trong dạy học ở trường mầm non, em biết những câu ca dao, tục ngữ, đồng dao hoặc những câu chuyện nào về nước để đọc cho các bé nghe?

**Nhiệm vụ 2: Sự ô nhiễm môi trường nước**

**Câu 1:** Làm thí nghiệm với các mẫu nước thu thập được

- Nguyên liệu:

Mẫu 1: Nước trong đầm nuôi vịt thôn Kiều Bàng, xã Yên Trung, huyện Ý Yên

Mẫu 2: Nước ở thôn Văn Chàng, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực

Mẫu 3: Nước công ở cầu Lộ Hạ, TP Nam Định

Mẫu 4: Nước ruộng thôn Bái Hạ, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực

- Dụng cụ: Quỳ tím.

**Câu 2:** Từ thí nghiệm trên hãy hoàn thành phiếu học tập

Đặc điểm	Màu sắc	Mùi, vị	Độ đục, độ trong	Độ PH
Nguyên liệu				
Mẫu 1				
Mẫu 2				
Mẫu 3				
Mẫu 4				

**Ap dụng 2:** Từ thí nghiệm trên, em hãy rút ra khái niệm ô nhiễm môi trường nước.

**Ap dụng 3:** Bằng kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy giải thích nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước ở các địa điểm trên.

**Ap dụng 4:** Từ thí nghiệm trên và kiến thức của bản thân, hãy gọi tên của hình thức ô nhiễm nước.

Stt	Đặc điểm	Hình thức ô nhiễm nước
1	- Hàm lượng nitơ và photpho trong nước cao - Một lượng lớn các hợp chất hữu cơ được tạo ra. - Nước có màu xanh đen hoặc đen, có mùi khai thối - Gặp ở những sông, suối, ao hồ chứa rác thải sinh hoạt	
2	- Nước có nhiều Hg, Pb, As, Cu, Zn... - Nước có nhiều màu sắc lạ - Thường gặp trong các khu vực có cơ sở sản xuất công nghiệp.	
3	- Chứa nhiều vi khuẩn, vi rút gây ra các bệnh bệnh tả, lỵ, thương hàn, sốt rét, viêm gan B, viêm não Nhật bản, giun đũa... - Thường gặp ở khu vực nước có nhiều rác thải...	
4	- Chứa nhiều dư lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. - Thường gặp ở khu vực đất mạnh thâm canh trong nông nghiệp.	
5	- Có vàng dầu và dầu lẩn trong nước - Thường gặp ở gần bến cảng, nơi nhiều phương tiện đường thủy	

Sau khi xây dựng bộ câu hỏi, nhiệm vụ học tập, nội dung giáo án còn phần đáp án nhằm giúp người học đánh giá kết quả học tập của nhóm mình và giữa các nhóm với nhau. Tuy nhiên, do khuôn khổ của bài viết, tôi xin được lược bỏ phần này.

Trong bài dạy, mục 2. Sự ô nhiễm môi trường nước có nội dung bài học phù hợp với HĐTN. Việc học qua trải nghiệm thường bắt đầu với một kinh nghiệm cụ thể, hay nói cách khác bắt đầu bằng việc “làm một cái gì đó”. Ở đây, các nhóm được giao nhiệm vụ quan sát và làm thí nghiệm với các mẫu nước mà các nhóm đã thu thập được. Lúc này chia khóa để học chính là sự tham gia tích cực. SV không thể học bằng cách đơn giản là đọc giáo trình. Để học hiệu quả đòi hỏi cá nhân hoặc các nhóm phải thực sự bắt tay vào làm. Sau khi được làm thí nghiệm, rất nhiều câu hỏi được đặt ra và các kênh liên lạc được mở cho cá nhân và các thành viên khác trong nhóm. Từ vụng lúc này là rất quan trọng và cần thiết giúp SV diễn đạt bằng lời và thảo luận với những người khác. Từ đó, hình thành cho SV năng lực hợp tác và giao tiếp hiệu quả. Từ trực quan sinh động, SV sẽ rút ra những dấu hiệu đặc trưng của những mẫu nước bị ô nhiễm và đưa ra khái niệm ô nhiễm môi trường nước. SV sẽ có thể vận dụng lí thuyết từ giáo trình hoặc hiểu biết của bản thân để giải thích, tìm ra nguyên nhân ô

**Nhiệm vụ 3: Mở rộng**

**Câu 1:** Em hãy đọc thông tin sau:

**Việt Nam xả rác thải nhựa ra biển nhiều thứ 4 thế giới**

Với 117 triệu dân, diện lượng rác thải biển của Việt Nam sẽ phát triển rất nhanh theo thời gian.

Mỗi năm Việt Nam xả ra đại dương 0,28 đến 0,73 triệu tấn rác thải nhựa phân chia theo thể tích, đồng thời 4 triệu gói - túi rác Chàng trong môi trường biển.

Việt Nam đứng thứ 4 về lượng rác thải nhựa xả ra biển, nhưng gần như không có nỗ lực xử lý.

**5 quốc gia thải nhiều rác ra biển nhất thế giới (Theo Hàng năm)**

Indonesia	3,2
Philippines	1,9
Viet Nam	1,8
Sri Lanka	1,6
Cambodia	0,8

Để góp phần làm giảm rác thải nhựa ra môi trường nước, em hãy làm một sản phẩm đơn giản thay thế túi ni lông hàng ngày hoặc làm sản phẩm tái chế từ đồ nhựa đã qua sử dụng.

**Câu 2:** Em hãy nêu ý kiến của mình về hành động sau:



nhiễm môi trường nước.

Mục 3. Bảo vệ tài nguyên nước có nội dung quan trọng đối với học phần MT và GDMT cho trẻ MN, đó chính là kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn và thái độ của SV đối với các vấn đề môi trường xung quanh. Ở đây, SV sẽ bắt tay vào làm một việc thiết thực để góp phần làm giảm rác thải nhựa ra môi trường nước vì rác thải nhựa đã và đang hủy hoại sự sống của các đại dương nói riêng và môi trường nước nói chung. SV sẽ thực hiện dự án “Hành động nhỏ, ý nghĩa lớn”: làm một sản phẩm đơn giản thay thế túi ni lông hàng ngày hoặc làm sản phẩm tái chế từ đồ nhựa đã qua sử dụng.

**2.4.2. Tổ chức dạy học**

Tôi đã tiến hành thực nghiệm tại lớp Mầm non K41. Học phần MT và GDMT cho trẻ MN được giảng dạy học kì I. Lớp có 19 SV, được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm cử ra nhóm trưởng và thư kí. Phòng học cũng được sắp xếp lại thành 4 khu vực. SV ngồi thành hình tròn và quay mặt vào nhau để cùng thảo luận, làm thí nghiệm.

**2.4.3. Kết quả thực nghiệm**

- Sau bài dạy, tôi đã phát phiếu lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, kết quả như sau:



+ 19/19 (chiếm 100%) sinh viên biết được khái niệm, các hình thức ô nhiễm, hiểu được vai trò và nguyên nhân gây ô nhiễm của môi trường nước.

+ 19/19 (chiếm 100%) sinh viên nhận biết được môi trường nước bị ô nhiễm; làm các đồ dùng thay thế túi ni lông trong cuộc sống hàng ngày hoặc làm các sản phẩm tái chế từ nhựa đã sử dụng; sưu tầm ca dao, tục ngữ về vai trò của tài nguyên nước.

+ 19/19 (chiếm 100%) sinh viên hứng thú với cách khám phá tri thức (rút ra khái niệm, các hình thức ô nhiễm, nguyên nhân gây ô nhiễm của môi trường nước) thông qua hoạt động làm thí nghiệm.

+ 17/19 sinh viên (chiếm 89,5) sinh viên thấy hoạt động thí nghiệm trên là phù hợp với nội dung bài học.

+ 16/19 sinh viên (chiếm 84,2%) sinh viên thấy rằng thông qua hoạt động thí nghiệm đã hiểu hơn về hoạt động trải nghiệm và có thể vận dụng thiết kế hoạt động này khi xây dựng kế hoạch dạy học trong các buổi học nghiệp vụ sư phạm, thực tập tại các trường mầm non.

- Tôi cũng lấy ý kiến của chuyên gia là các GV trong và ngoài tổ chuyên môn (6 giáo viên trong tổ chuyên môn, lãnh đạo khoa Giáo dục tiểu học – Mầm non, 6 giáo viên tổ Lí – Hóa - Sinh)

+ Các giáo viên đều nhất trí việc tích hợp hoạt động trải nghiệm trong dạy học giúp đổi mới hình thức, phương pháp giảng dạy và phát triển năng lực cho SV.

+ Các GV đều cho rằng cần tích cực đưa hoạt động trải nghiệm vào từng bài học của học phần MT và GDMT cho trẻ MN.

+ Các GV đều nhận thấy sự say mê, hứng thú của SV, không khí lớp học sôi nổi hơn và hiệu quả học tập cao hơn tiết dạy lí thuyết thông thường khi tích hợp các HĐTN.

### 3. Kết luận

Trong khuôn khổ bài viết, việc tổ chức cho SV trải nghiệm mới chỉ đề cập HĐTN tại vườn thực nghiệm, làm thí nghiệm trên lớp học. Ngoài ra, GV có thể đa dạng hóa các hình thức học tập trải nghiệm

(trải nghiệm tại làng nghề ở địa phương, tổ chức cuộc thi, lao động công ích, tham quan dã ngoại...). Các thành phần của môi trường tự nhiên rất gần gũi mỗi người nên tổ chức các hoạt động trải nghiệm sẽ mang lại hiệu quả cao. Dạy học giáo dục môi trường qua các HĐTN giúp sinh viên được tham gia trực tiếp trong hoạt động bảo vệ môi trường. Vì vậy, các năng lực của sinh viên được hình thành và phát triển một cách tốt nhất. Trong quá trình trải nghiệm, GV không tham gia mà chỉ là người hỗ trợ cho SV. Để tổ chức các HĐTN một cách hiệu quả, tôi xin đề xuất một số ý kiến sau:

- Giảng viên cần thiết kế nội dung trải nghiệm phù hợp với bài học; lựa chọn hình thức, địa điểm trải nghiệm phù hợp với điều kiện của nhà trường.

- Nhà trường cần hỗ trợ kinh phí vì các hoạt động trải nghiệm đều cần có dụng cụ thí nghiệm.

### REFERENCES

1. Huyen, T.T (2020), Applying David Kolb's experiential teaching model in the lecture "Environmental education" for students of primary education, Northwestern University, *Education Journal*, special issue April 2020, p. 193-196.
2. Lien, N.T (editor, 2016), *Organizing creative experiences in high schools*, Education Publishing House.
3. Loan, V.T., Gai, T.T, Kinh.K.T. (2020), The process of educational cooperation developed through experiential activities in the section "Environment and people" at university level, *Education Journal*, No. 483 (August 1, 2020), page 50 - 54
4. Thanh,N.V., Can, N.N., Khanh, D.V., Sang, T.M. (2021) Building environmental protection awareness among university students in Vietnam today, *Journal of Education Management*, no. 02 (30), June - 2021
5. Thoa, Đ.T.K (2015), *Developing a program of creative experiential activities in the new general education program*, Proceedings of the International Conference, Academy of Educational Management.